TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/DS-ST
Ngày 11-4- 2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoài và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên toà số 29/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Việt Nam J (gọi tắt là "J").

Địa chỉ: Lầu 15 toà nhà C, 72-74 N, phường V, Quận n, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đăng T1, sinh năm 1986. Chức vụ: Nhân viên J. (Có mặt)

Địa chỉ: Lầu 15 toà nhà Cc, 72-74 N, phường V, Quận n, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu phố m, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, đại diện của nguyên đơn – đại diện J trình bày:

Vào ngày 04/12/2022, bà Lê Thị H ký hợp đồng số 58030003477252000 với J để vay tiền mua xe máy SH125i CBS tại cửa hàng Kim Điệp 3 có địa chỉ tại tổ 7 khu phố 2, thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo hình thức trả góp. Nội dung thoả thuận như sau:

- Số tiền vay 43.705.164 đồng;
- Thời hạn vay 12 tháng;
- Lãi suất 50,1266%/năm; lãi suất theo tháng là 4,1772%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;
- Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ theo kỳ, mỗi kỳ trả nợ 4.716.890 đồng, số tiền thanh toán cuối kỳ 4.208.480 đồng.
- Dự kiến ngày trả nợ cuối cùng 30/11/2023.

Kể từ sau khi vay tiền mua xe máy bà Lê Thị H không thực hiện trả tiền cho J theo hợp đồng đã ký kết.

J khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Lê Thi H thanh toán toàn bộ số nợ bao gồm tiền nợ gốc là 43.705.164 đồng và tiền lãi và phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán xong nợ.

Đến ngày xét xử 11/4/2024, JIVF yêu cầu bà Lê Thị H trả nợ tiền nợ gốc là 43.705.164 đồng, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là 28.279.708 đồng, bao gồm: lãi trong hạn 23.348.433 đồng, lãi quá hạn là 4.931.275 đồng và phí quản lý khoản vay là 144.000 đồng, tổng cộng các khoản là 72.128.872 đồng đồng thời JIVF tiếp tục yêu cầu bà Lê Thị H trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày trả hết số nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Lê Thị H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng đều vắng mặt mà không có yêu cầu phản tố, không ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Bản phô tô có xác nhận Hồ sơ tín dụng (gồm Hợp đồng tín dụng số 58030003477252000 ngày 04/12/2022, giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn, Thoả thuận xử lý tài sản, Các điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay của J), Giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính (bản sao), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

(bản sao), Báo cáo về khung lãi suất cho vay tiêu dùng số 620/2022/BC-SAL ngày 15/8/2022, thủ tục uỷ quyền tham gia tố tụng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có.

Nội dung không thống nhất: J yêu cầu bà Lê Thị H thanh toán nợ vay, lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán xong nợ.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Nhận định Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Không có kiến nghị về phần tố tụng.

Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán số nợ tính đến ngày xét xử là 72.128.872 đồng và tiếp tục thực hiện thanh toán tiền lãi theo hợp đồng cho đến ngày trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Tại phiên tòa bị đơn – bà Lê Thị H vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị H.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: J khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H thanh toán tiền nợ vay từ hợp đồng tín dụng số 58030003477252000 ngày 04/12/2022 được ký kết giữa J và bà Lê Thị H, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Toà án nhưng bà Lê Thị H không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 58030003477252000 ngày 04/12/2022 được ký kết trên tinh thần tự nguyện, được lập thành văn bản, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội được xác định là hợp đồng hợp pháp. Kể từ thời điểm hợp đồng được xác lập các bên có trách nhiệm thực hiện những nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, J đã thực hiện giải ngân cho bà Lê Thị H vay tiền để mua xe máy, việc giải ngân được thể hiện trong văn bản "Xác nhận của các bên liên quan đến việc xác lập hợp đồng vay" ký ngày 04/12/2022 (Bl19) trong đó J đã cho bà Lê Thị H vay số tiền 43.705.164 đồng để trả tiền vay mua xe Honda SH125i CBS tại cửa hàng KIMDIEP 3 có địa chỉ tại Khu phố 2, thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Trong văn bản này bà Lê Thị H đã ký xác nhận nợ vay với J, tuy nhiên bà Lê Thị H không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng để Toà án có sơ sở đối chiếu việc trả nợ. Việc bà Lê Thị H không chứng minh đã thực hiện trả nợ, không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xác định J đã thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng tín dụng số 58030003477252000 ngày 04/12/2022 đối với bà Lê Thị H trả nợ là có căn cứ.

Do bà Lê Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào Điều 280 Bộ luật dân sự cần buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho J số tiền vay là 43.705.164 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với thoả thuận giữa các bên và quy định của pháp luật.

Tính tới ngày xét xử vụ án là ngày 11/4/2024, ngoài yêu cầu trả nợ số tiền vay J yêu cầu bà Lê Thị H trả tiền lãi phát sinh là 28.279.708 đồng, bao gồm: Lãi trong hạn 23.348.433 đồng và lãi quá hạn là 4.931.275 đồng và phí quản lý khoản

vay là 144.000 đồng. Nhận thấy mức lãi suất và khoản thu phí mà J áp dụng đối với hợp đồng tín dụng phù hợp với khung lãi suất được thể hiện trong Báo cáo về khung lãi suất cho vay tiêu dùng số 620/2022/BC-SAL ngày 15/8/2022 gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Kiên Giang, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, Điều 9 Thông Tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và khoản 12 Điều 1 Thông tư 18/2019/TT-NHNN ngày 04/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đồng thời phù hợp với thoả thuận giữa các bên được thể hiện tại Điều 1, Điều 3, Điều 12 của Hợp đồng tín dụng số 58030003477252000 ngày 04/12/2022, do đó số tiền lãi và khoản phí quản lý khỏan vay mà J yêu cầu bà Lê Thị H phải thanh toán là có căn cứ.

Như vậy tổng số tiền bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho J tính đến ngày 11/4/2024 gồm: 43.705.164 đồng (Nợ vay) + 28.279.708 đồng (Lãi phát sinh theo hợp đồng) + 144.000 đồng (Phí quản lý khoản vay) = 72.128.872 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị H tiếp tục phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 58030003477252000 ngày 04/12/2022 trên số tiền còn nợ cho tới ngày thanh toán xong số nợ.

[3] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật đã được Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí bà Lê Thị H phải nộp là: 72.128.872 đồng x 5% = 3.606.443 đồng.

JIVF được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.260.674 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Việt Nam J (gọi tắt là "J").

Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Việt Nam J số nợ tính đến ngày xét xử 11/4/2024 là 72.128.872 đồng (Bảy mươi hai triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi hai đồng), trong đó bao gồm tiền nợ vốn là 43.705.164 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm linh năm nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng là 28.279.708 đồng (Hai mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm linh tám đồng), bao gồm: Lãi trong hạn 23.348.433 đồng (Hai mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng), lãi quá hạn là 4.931.275 đồng (Bốn triệu, chín trăm ba mươi mốt nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng) và phí quản lý khoản vay là 144.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày xét xử 11/4/2024 bà Lê Thị H tiếp tục phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 58030003477252000 ngày 04/12/2022 cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Việt Nam J cho đến ngày thực hiện trả hết số nợ.

Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc bà Lê Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.606.443 đồng (Ba triệu, sáu trăm linh sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng).

Công ty tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Việt Nam J được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 1.260.674 đồng (Một triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008936 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 11/4/2024, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm